

Bản án số: 21/2018/HS-ST
Ngày 29/8/2018

**NHÂN DÂN
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đức Nghị;

Ông Bùi Hồng Đào.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Ông Triệu Ngọc S - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2018/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Văn N**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 01/11/1991 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu 1, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 12/12; Dân tộc: Mường;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Hoàng Văn C - Sinh năm: 1964 và bà Hoàng Thị M - Sinh năm: 1966;

Vợ: Lê Mai Thị Thu H - Sinh năm: 1997; Con: Có 02 con (Con lớn sinh năm: 2015; Con nhỏ sinh năm: 2018).

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương. (có mặt)

2. Họ và tên: **Vương Tùng S;** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 20/9/1988 tại huyện H, tỉnh Quảng Trị;

Nơi cư trú: Khu 4, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Vương Việt T - Sinh năm: 1954; và bà Hoàng Thị Th - Sinh năm: 1955;

Vợ, con: Chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương . (có mặt)

3. Họ và tên: **Nguyễn Quang H;** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 15/8/1983 tại thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Tổ 7, phường V, thành phố V, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Văn C - Sinh năm: 1943 và bà Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1947;

Vợ: Phan Thị Vân A - Sinh năm: 1981 và Con: Có 03 con (Con lớn sinh năm: 2010; Con nhỏ sinh năm: 2014).

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương. (có mặt)

4. Họ và tên: **Nguyễn Duy K;** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 14/6/1992 tại huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu 1, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Nguyễn Anh T (Đã chết) và bà Ngô Thị H - Sinh năm: 1966;

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương (có mặt).

5. Họ và tên: **Hà Văn A**; Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 16/5/1989 tại huyện Th, tỉnh Phú Thọ;

Nơi cư trú: Khu 2, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 12/12; Dân tộc: Kinh;

Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Hà Văn S (Đã chết) và bà Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1964;

Vợ: Hà Thị S - Sinh năm: 1995; Con: Hà Tiến Đ - Sinh năm: 2017.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân (*án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật*): Không.

Bị cáo đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương. (có mặt) .

Người làm chứng: Anh Nguyễn Thế Anh, sinh năm 1994;

Địa chỉ: xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của các Bị cáo:

Ngày 25/5/2018, S, N, K, H đi dự đám cưới tại Khu 2, xã T, đến khoảng 22 giờ 00 phút, S rủ cả nhóm về quán kinh doanh dịch vụ Internet của N để đánh bạc ăn tiền. Trên đường đi, S vào hàng tạp hóa bên đường mua một bộ bài tú lơ khơ.

Đến nơi, các đối tượng vào phòng ngủ của quán, ngồi lên chiếc Đệm trải sẵn, dùng bộ bài S đã mua để chơi “**Sâm**” ăn tiền. Các bên quy ước như sau: Người chia bài chia cho mỗi người 10 cây bài, nếu bài có 10 cây liên nhau hoặc 10 cây bài cùng màu (Đen hoặc đỏ) hoặc 10 cây bài gồm 05 đôi bằng nhau thì gọi là "Sâm"; nếu có từ hai người trở lên cùng có bài sâm thì bài ai sâm có quân bài lớn hơn thì thắng. Nếu không có ai có bài sâm thì người chia bài đánh trước, sau đó lần lượt theo vòng ngược chiều kim đồng hồ, người ngồi sau có bài lớn hơn nhưng không tính chất (màu của quân bài) sẽ đánh bài, nếu những người ngồi sau không đánh thì người đó tiếp tục đánh bài tiếp, ai hết bài trước thì thắng. Người thắng ăn tiền của những người chơi còn lại. Hình thức thanh toán bằng tiền mặt, mỗi quân bài còn lại

tương ứng với 5.000 đồng, nếu có người đánh hết bài (người thắng) mà có người chưa đánh được quân bài nào thì gọi là "Treo" và mất 150.000 đồng cho người thắng. Nếu người thắng có bài sâm thì thu của mỗi người cùng chơi 200.000 đồng, trong ván đó ai thắng thu tiền của những người còn lại và tiếp tục được chia bài.

Đánh bạc được khoảng 30 phút thì N mệt nên đứng dậy về nhà bố mẹ đẻ của N để ngủ. Tại thời điểm N nghỉ, các đối tượng đã dùng số tiền để tham gia đánh bạc là **5.750.000 đồng** (*năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn*), trong đó: N có 600.000 đồng (*sáu trăm nghìn*), K có 650.000 đồng (*sáu trăm năm mươi nghìn*), S có 3.500.000 đồng (*ba triệu năm trăm nghìn*), H có 1.000.000 đồng (*một triệu*).

Khi N nghỉ, Hà Văn A đến và cùng tham gia đánh bạc. Do không có tiền nên A đã đi ra hỏi vay tiền của cháu Nguyễn Thế A, sinh năm: 1994 (*Địa chỉ: Xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ*) là khách đang chơi điện tử phía ngoài nhà N, Thế A đưa cho Hà Văn A vay 500.000 đồng (*năm trăm nghìn*). Lúc này, các đối tượng thỏa thuận thống nhất, mỗi quân bài còn lại tương ứng với 10.000 đồng, nếu có người bị "Treo" thì mất 150.000 đồng cho người thắng. Nếu người thắng có bài sâm thì thu của mỗi người cùng chơi 300.000 đồng.

Các đối tượng chơi bạc đến 23 giờ 20 phút thì Tổ công tác Đội cảnh sát hình sự - Công an huyện T phát hiện bắt quả tang. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Duy K, Nguyễn Quang H, Vương Tùng S, Hà Văn A và thu giữ vật chứng gồm: 6.150.000 đồng (*sáu triệu một trăm năm mươi nghìn*) thu trên chiếu bạc; 52 (*năm mươi hai*) quân bài tứ lơ khơ; 01 đệm mút màu đen cũ đã qua sử dụng; 01 ga bọc đệm có hoa văn cũ đã qua sử dụng. Quá trình điều tra, Hoàng Văn N tự nguyện giao nộp số tiền 100.000 đồng là tiền N dùng vào việc đánh bạc còn lại khi không chơi nữa.

Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là **6.250.000 đồng** (*sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn*) gồm: 6.150.000 đồng (*sáu triệu một trăm năm mươi nghìn*) thu giữ trực tiếp tại chiếu bạc và 100.000 đồng (*một trăm nghìn*) bị cáo N giao nộp.

2. Các vấn đề khác:

Ngày 28/5/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã quyết định khởi tố vụ án hình sự, các Quyết định khởi tố Bị can và các Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với: S, N, A, H, K về tội: “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Đối với Nguyễn Thế A là người cho Hà Văn A vay 500.000 đồng để Hà Văn A tham gia đánh bạc nhưng Nguyễn Thế A không biết Hà Văn A vay tiền để đánh bạc. Khi vay tiền của Nguyễn Thế A, Hà Văn A cũng không nói vay tiền để đánh bạc. Do đó không đủ căn cứ để chứng minh Nguyễn Thế A đồng phạm về tội đánh bạc, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T nhắc nhở đối với Nguyễn Thế A là phù hợp.

3. Về trích dẫn Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản cáo trạng số: 21/CT-VKSTS ngày 18/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ đã truy tố các Bị cáo: S, N, K, H, A về tội “Đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên Quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Khoản 1, 3 Điều 35; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt các Bị cáo: Hoàng Văn N, Vương Tùng S, Nguyễn Quang H, Nguyễn Duy K, Hà Văn A mỗi Bị cáo từ 20.000.000 đồng (*hai mươi triệu*) đến 25.000.000 đồng (*hai mươi lăm triệu*).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo.

- Áp dụng: Điểm a, Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1, 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 6.250.000 đồng (*sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn*) các Bị cáo dùng vào việc đánh bạc (trong đó: 6.150.000 đồng thu tại chiếu bạc và 100.000 đồng thu của Bị cáo N).

Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân; 01 đệm mút màu đen cũ đã qua sử dụng, 01 ga bọc đệm có hoa văn cũ đã qua sử dụng (thu của Bị cáo N).

Trong quá trình điều tra Kiểm sát viên, các Bị cáo không ai có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các Bị cáo đều xin Hội đồng xét xử cho mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, tỉnh Phú Thọ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội.

Tại phiên tòa hôm nay, các Bị cáo Vương Tùng S, Hoàng Văn N, Nguyễn Duy K, Hà Văn A, Nguyễn Quang H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; thừa nhận Bản cáo trạng truy tố là đúng, không oan sai. Lời khai của các Bị cáo thống nhất, phù hợp với nhau, phù hợp với vật chứng thu được cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ của vụ án.

Như vậy đã xác định được: Từ khoảng 22 giờ đến 23 giờ 30 phút ngày 25/5/2018 tại quán kinh doanh dịch vụ Internet của Hoàng Văn N thuộc khu 2, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ các Bị cáo: S, N, K, A, H đã thực hiện hành vi Đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi “Sâm”. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã phát hiện và lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với S, K, A, H đồng thời thu giữ tại chiếu bạc số tiền 6.150.000 đồng (sáu triệu một trăm năm mươi nghìn) cùng 52 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếc Đệm và ga chải đệm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã xác định được số tiền các Bị cáo đã dùng để đánh bạc như sau:

Tại thời điểm Bị cáo N tham gia đánh bạc thì: Bị cáo N có 600.000 đồng (N chơi được khoảng 30 phút bị thua 500.000 đồng nên không chơi nữa mà về nhà bố mẹ ngủ cầm theo 100.000 đồng); Bị cáo K có số tiền 650.000 đồng; Bị cáo H có số tiền 1.000.000 đồng; Bị cáo S có số tiền 3.500.000 đồng. Tổng số tiền N, K, H, S dùng vào việc đánh bạc là **5.750.000 đồng** (năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn). Sau khi Bị cáo N nghỉ, Bị cáo A tham gia đánh bạc với số tiền 500.000 đồng. Khi bị Công an bắt, các Bị cáo K, H, S, A để lại toàn bộ số tiền sử dụng vào việc đánh bạc tại chiếu bạc và ngày 28/5/2018 Bị cáo N giao nộp số tiền 100.000 đồng đã sử dụng khi đánh bạc.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là **6.250.000 đồng** (sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn) gồm: 6.150.000 đồng (sáu triệu một trăm năm mươi nghìn) thu giữ trực tiếp tại chiếu bạc và 100.000 đồng (một trăm nghìn) bị cáo N giao nộp.

Từ các nhận định trên đã đủ cơ sở xác định hành vi của các Bị cáo Hoàng Văn N, Vương Tùng S, Nguyễn Quang H, Nguyễn Duy K và Hà Văn A đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại Khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Vụ án tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã có nhiều người tham gia đánh bạc được thua bằng tiền. Hành vi phạm tội của các Bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến trật tự, nếp sống văn minh của xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy cần được đưa ra xét xử nghiêm minh trước pháp luật để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về vai trò và nhân thân của các Bị cáo trong vụ án thấy rằng: Các bị cáo đánh bạc nhiều người nhưng chỉ là do tự phát, không chuẩn bị phương tiện và phân công nhau nên không coi là phạm tội có tổ chức. Các Bị cáo có vai trò như nhau trong việc thực hiện tội phạm.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các Bị cáo có nhân thân tốt thể hiện không có tiền án, tiền sự; lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Các Bị cáo đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đều không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Nên xử phạt các Bị cáo hình phạt tiền ở mức khởi điểm của khung hình phạt mà điều luật quy định và là mức thấp theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để các Bị cáo lấy đó làm bài học cho bản thân.

Về hình phạt bổ sung: Do Phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự đối với các Bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã thu giữ được tổng số tiền các Bị cáo đã dùng vào việc đánh bạc là: 6.250.000 đồng. Trong đó: Tiền thu tại chiếu bạc là 6.150.000đ đồng và thu của Bị cáo N 100.000 đồng đã dùng để đánh bạc. Đây đều là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân; 01 đệm mút màu đen cũ đã qua sử dụng, 01 ga bọc đệm có hoa văn cũ đã qua sử dụng (thu của Bị cáo N). Các đồ vật trên là công cụ

phương tiện phạm tội và là vật không có giá trị sử dụng. Tại phiên tòa Bị cáo N cũng không yêu cầu được lấy lại nên cần tịch thu để tiêu hủy là phù hợp.

[5] Về án phí: Các bị cáo N, S, K, H, A phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ kết tội:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 321; Điểm i, s Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, 3 Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố các: Bị cáo Hoàng Văn N, Vương Tùng S, Nguyễn Quang H, Nguyễn Duy K, Hà Văn A phạm tội “**Đánh bạc**”.

2. Trách nhiệm hình sự, hình phạt:

- Xử phạt các Bị cáo: Hoàng Văn N, Vương Tùng S, Nguyễn Quang H, Nguyễn Duy K, Hà Văn A mỗi Bị cáo **20.000.000 đồng** (*hai mươi triệu đồng*).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các Bị cáo: N, S, H, K, A.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015; Khoản 1, điểm a, c Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước số tiền 6.250.000 đồng (*sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn*) các Bị cáo dùng vào việc đánh bạc (trong đó: 6.150.000 đồng thu tại chiếu bạc, 100.000 đồng thu của Bị cáo N).

Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân; 01 đệm mút màu đen cũ đã qua sử dụng, 01 ga bọc đệm có hoa văn cũ đã qua sử dụng (của Bị cáo N).

Vật chứng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T ngày 21/8/2018.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 và DA mục án phí lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Buộc các Bị cáo N, S, H, K, A mỗi Bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm .

5. Về quyền kháng cáo: Các Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh
- CQ CSĐT Công an huyện;
- CQ THA dân sự huyện;
- UBND nơi các b/c thường trú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai